

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS - ST  
Ngày: 16 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Kim Sang
2. Ông Trần Trung Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Hình Ngọc P, sinh năm 1978 (có mặt)**

Địa chỉ: Số 95A khu phố 7, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn: Bà Lương Ngọc Yến U, sinh năm 1978 (vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 43 đường M, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hình Ngọc P là nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ bạn bè quen biết nên ông có cho bà Lương Ngọc Yến U vay tiền hai lần: Lần 1: Ngày 06/4/2018 bà U vay 10.000.000 đồng, ông đưa tiền trực tiếp

cho bà U, hai bên không có làm biên nhận nợ; lần 2: Ngày 16/5/2018 bà U vay 15.000.000 đồng; ông đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Giồng Riềng chuyển khoản vào tài khoản của bà U mở tại ngân hàng Đông Á; hai bên cũng không có làm biên nhận nợ.

Do sau đó bà U không trả nợ nên vào tháng 01/2019 ông có làm đơn yêu cầu khu phố Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh mời bà U đến làm việc. Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 14/01/2019 bà U thừa nhận nợ ông số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng là 5.300.000 đồng; hai bên thỏa thuận cho bà U được trả nợ dần mỗi tháng 1.500.000 đồng trên tổng số tiền gốc và lãi là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà U chỉ trả cho ông được một lần số tiền 1.000.000 đồng và không thực hiện theo cam kết.

Tại đơn khởi kiện ông đồng ý khấu trừ tổng số tiền lãi đã nhận của bà U là 6.300.000 đồng vào số nợ gốc 25.000.000 đồng nên yêu cầu bà U trả cho ông số nợ gốc còn lại là 18.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông P tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu bà U trả số nợ gốc là 18.700.000 đồng.

*Bị đơn bà Lương Ngọc Yến U:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ gốc 18.700.000 đồng. Căn cứ các Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các

Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ là 18.700.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ông Hình Ngọc P khởi kiện yêu cầu bà Lương Ngọc Yến U phải trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lương Ngọc Yến U là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lương Ngọc Yến U như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn bà Lương Ngọc Yến U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lương Ngọc Yến U.

**[2] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn bà Lương Ngọc Yến U không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà U đã

không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[3] Về hợp đồng vay tài sản:**

Nguyên đơn ông Hình Ngọc P trình bày ông đã cho bà Lương Ngọc Yến U vay tổng cộng 25.000.000 đồng trong 02 lần, bao gồm: Ngày 06/4/2018 bà U vay 10.000.000 đồng, ông đưa tiền trực tiếp cho bà U, hai bên không có làm biên nhận nợ; lần 2: Ngày 16/5/2018 bà U vay 15.000.000 đồng; ông đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Giồng Riềng chuyển tiền vào tài khoản của bà U mở tại ngân hàng Đông Á; hai bên cũng không có làm biên nhận nợ. Trong hai lần cho vay này bà U đã đóng lãi cho ông được tổng cộng 5.300.000 đồng và chưa trả gốc lần nào.

Xét thấy lời trình bày nêu trên của ông P phù hợp với nội dung Biên bản hòa giải cơ sở ngày 14/01/2019 của khu phố Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; tại thời điểm hòa giải có mặt bà U và bà U thừa nhận có vay tiền của ông P 02 lần tổng cộng là 25.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng là 5.300.000 đồng. Cũng tại Biên bản hòa giải này đã ghi nhận hai bên đồng ý thống nhất cho bà U trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng trên tổng số nợ gốc và lãi tổng cộng là 35.000.000 đồng. Như vậy mặc dù ông P cho bà U vay tiền không có lập thành văn bản, nhưng căn cứ vào Biên bản hòa giải của khu phố Lý Thường Kiệt có chữ ký tên xác nhận của bà U là đủ cơ sở để xác định giao dịch vay tài sản giữa hai bên là có thật và phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời sau khi thỏa thuận cho trả nợ dần thì kéo dài đến ngày 29/5/2019 bà U chỉ trả cho ông P được 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng (theo Biên nhận ngày 29/5/2019 có chữ ký của bà U, ông P và đại diện khu phố Lý Thường Kiệt), như vậy bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên việc ông P khởi kiện yêu cầu bà U trả nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, ông P đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền lãi ông đã nhận của bà U, bao gồm 5.300.000 đồng nhận trước khi hòa giải tại khu phố Lý Thường Kiệt và 1.000.000 đồng nhận sau khi hòa giải, tổng cộng là 6.300.000 đồng vào số nợ gốc 25.000.000 đồng; ông yêu cầu bà U trả cho ông số nợ gốc còn lại là 18.700.000 đồng; đồng thời ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc chưa thanh toán là phù

hợp quy định pháp luật và việc nguyên đơn tự nguyện khấu trừ số lãi đã nhận vào nợ gốc là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó buộc bị đơn bà U có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền vay còn lại là 18.700.000 đồng.

Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U chậm trả số tiền nêu trên thì bà U còn phải trả cho ông P khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi.

**[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà U phải chịu án phí trên số tiền buộc trả 18.700.000 đồng, án phí được xác định là 935.000 đồng.

Nguyên đơn ông P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001194 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, **khoản 2 Điều 244**, Điều 266, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hình Ngọc P đối với bị đơn bà Lương Ngọc Yến U về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**2.** Buộc bà Lương Ngọc Yến U có nghĩa vụ trả cho ông Hình Ngọc P số tiền vay gốc là 18.700.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U chậm trả số tiền nêu trên thì bà U còn phải trả cho ông P khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hình Ngọc P về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 18.700.000 đồng.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Ngọc Yên U phải chịu án phí giá ngạch là 935.000 đồng (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ông Hình Ngọc P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001194 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**5.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Hồng Thắm**